**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa: Ngoại ngữ

Bộ môn: Thực hành tiếng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt:**Ngữ pháp 2**
* Tiếng Anh: **Grammar 2**

Mã học phần: Số tín chỉ: 2 (30 – 0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Ngữ pháp 1

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: Nguyễn Phương Lan Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0983729979 Email: lannp@ntu.edu.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM

Họ và tên: Bùi Thị Ngọc Oanh Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0903544668 Email: oanhbtn@ntu.edu.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM

Họ và tên: Nguyễn Phan Quỳnh Thư Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0978204208 Email: thunpq@ntu.edu.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM

**2. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho người học kỹ năng tổng hợp về đặc điểm từ loại: tính từ, trạng từ, giới từ và liên từ, các loại câu điều kiện và nắm được các cấu trúc ngữ pháp theo các cấp độ: từ, cụm từ, và câu liên quan đến tính từ và trạng từ. Học phần không những giúp người học thực hành sử dụng các cấu trúc ngữ pháp trên trong giao tiếp nói và viết một cách chính xác và hiệu quả mà còn giúp người học tự tin trong các kỳ thi. Học phần này giúp người học đạt được các kỹ năng giao tiếp nói và viết đạt cấp độ B2+ theo chuẩn châu Âu (CEFR).

**3. Mục tiêu:**

* Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhớ, hiểu, phân biệt và sử dụng tốt các các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến tính từ, trạng từ, các loại câu điều kiện, các loại giới từ và liên từ trong giao tiếp nói và viết một cách tự nhiên, và thể hiện bản thân một cách trôi chảy.
* Giúp người học có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để học học phần giao tiếp nói và viết tiếp theo.
* Giúp sinh viên tự tin trong các kỳ thi.

**4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, người học có thể:

1. Mô tả được các loại tính từ. Trình bày được chức năng của tính từ, cụm tính từ và mệnh đề tính từ. Sử dụng đúng các tính từ, cụm tính từ và mệnh đề tính từ vào thực hành giao tiếp nói và viết.
2. Mô tả được các loại trạng từ. Trình bày được chức năng của trạng từ, cụm trạng từ và mệnh đề trạng từ. Sử dụng đúng các trạng từ, ngữ trạng từ, và mệnh đề trạng từ vào thực hành giao tiếp nói và viết.
3. Mô tả cấu trúc và cách dùng các loại câu điều kiện. Sử dụng đúng các loại câu điều kiện vào thực hành giao tiếp nói và viết.
4. Ghi nhớ các loại giới từ. Sử dụng đúng các giới từ chính xác trong giao tiếp nói và viết.
5. Ghi nhớ các loại liên từ. Sử dụng các liên từ trong câu cho phù hợp.
6. Mô tả cấu trúc và cách dùng các loại câu bị động. Sử dụng đúng các loại câu bị động vào thực hành giao tiếp nói và viết.
7. Mô tả cấu trúc và cách dùng các loại câu tường thuật. Sử dụng đúng các loại câu tường thuật vào thực hành giao tiếp nói và viết.
8. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần trong giao tiếp nói và viết.
9. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, hợp tác làm việc theo cặp/ nhóm.
10. Ý thức được học tập và rèn luyện thường xuyên, suốt đời.

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1 Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | *Phương phápdạy – học* | *Chuẩn bị của người học* |
| 1 | Giới thiệu chương trình Cách học môn Ngữ pháp 2 | a, b, c, d, e, f, g, h | 2 | Diễn giảng, thảo luận nhóm | Không |
| 22.12.22.32.42.52.6 | Tính từ Các loại tính từVị trí, chức năng của tính từSo sánh bằng, so sánh hơn, so sánh nhấtNgữ tính từ và chức năngMệnh đề tính từ và chức năngRút gọn mệnh đề tính từ | a, f, g, h | 6 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 33.13.23.33.4 | Trạng từ Các loại trạng từVị trí và chức năng của trạng từNgữ trạng từ và chức năngMệnh đề trạng từ và chức năng | b, f, g, h | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 44.14.24.34.44.54.6 | Câu điều kiệnCách dùng câu điều kiệnCấu trúc các loại câu điều kiệnCâu điều kiện có thậtCâu điều kiện không có thậtCâu điều kiện hỗn hợpNhững mệnh đề điều kiện khác | c, g, g, h | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 55.15.2 | Giới từCác loại giới từCách sử dụng giới từ | d, f, g , h | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 66.16.2 | Liên từCác loại liên từCách sử dụng các loại liên từ | e, f, g, h | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 77.17.2 | Câu bị động Cách dùng câu bị độngCấu trúc các loại câu bị động | f, h, i, j | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |
| 88.18.2 | Câu tường thuật Cách dùng câu tường thuậtCấu trúc các loại câu tường thuật | g, h, i, j | 3 | Diễn giảng, thảo luận cá nhân, cặp, nhóm; bài tập nhóm, bài tập cá nhân | làm bài tập và thuyết trình theo hướng dẫn của GV |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm****xuất bản** | **Nhà****xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** | **Mục đích****sử dụng** |
| **Học** | **Tham khảo** |
| 1 | George Yule | Oxford Practice Grammar- Advanced | 2006 |  Oxford University Press | Nhà sách |  | x |
| 2 | John Eastwood | Oxford Learner’s Grammar: Grammar Builder |  2005 | Oxford University Press | Nhà sách  |  | x |
| 3 | George Davidson | Phrases, Clauses, and Sentences |  2006 | Learners Publishing Pte Ltd  | Nhà sách |  | x |
| 4 | Michael Dean | English Grammar Lessons | 2008 | Oxford University Press | Nhà sách |  | x |
| 5 | George Stern | An Outline Of English Grammar | 2008 | Learners Publishing Pte Ltd | Nhà sách |  | x |
| 6 | Thomas B, Hashemi L, & Mathews L | Grammar & Vocabulary for First and Firstfor Schools | 2015 | Cambridge University Press | Nhà sách | x |  |
| 7 | Hewings M & Haines S | Grammar & Vocabulary for Advanced | 2015 | Cambridge University Press | Nhà sách | x |  |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- SV có đầy đủ tài liệu và công cụ học tập cần thiết.

- SV tham dự đầy đủ các buổi học và từng cá nhân phải tích cực thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình lên lớp.

- SV chuẩn bị trước bài tập trước khi đến lớp.

- SV làm bài tập ở nhà theo nhóm và cá nhân.

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 27-28 | Viết | Các kiến thức, kỹ năng trong tất cả các chủ đề. | a, b, c, d, e, f, g, h |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | a, b, c, d, e, f, g, h | 25 |
| 2 | Bài tập | a, b, c, d, e, f, g, h | 10 |
| 3 | Hoạt động nhóm | a, b, c, d, e, f, g, h | 10 |
| 4 | Điểm chuyên cần/thái độ  | a, b, c, d, e, f, g, h | 5 |
| 5 | Thi kết thúc học phần: | a, b, c, d, e, f, g, h | 50 |

 **TRƯỞNG BỘ MÔN CÁC GIẢNG VIÊN**

 ***T.S Trần Thị Minh Khánh Ths. Nguyễn Phương Lan***

 ***Ths. Bùi Thị Ngọc Oanh***

***Ths. Trần Thị Thu Trang***

 ***Ths. Nguyễn Phan Quỳnh Thư***